

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH

CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH MÔN NGỮ VĂN

(Ban hành kèm theo Công văn số 1276 /SGDDT-QLCL, ngày 20 /8/2024 của Sở GDĐT Ninh Bình)

I. Cấu trúc chung:

Thời gian làm bài: 120 phút.

Đề thi gồm 02 phần.

- Phần Đọc hiểu (4,0 điểm).

- Phần Viết (6,0 điểm).

+ Câu 1 (2,0 điểm): viết đoạn văn Nghị luận xã hội hoặc Nghị luận văn học.

+ Câu 2 (4,0 điểm): viết bài văn Nghị luận xã hội hoặc Nghị luận văn học.

II. Mức độ yêu cầu đề

Thiết kế theo thang năng lực với các mức độ:

- Thông hiểu: 30%

- Vận dụng: 30%

- Vận dụng cao: 40%

III. Phạm vi và định hướng đánh giá

1. Đọc hiểu: ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, thuộc một trong ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin; có trích dẫn chính xác nguồn của văn bản.

2. Viết

a. Nghị luận xã hội: vấn đề nghị luận không nhất thiết liên quan đến ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi.

b. Nghị luận văn học: nội dung kiến thức thuộc Chương trình GDPT 2018 cấp THPT, tập trung chủ yếu ở lớp 12. Sử dụng ngữ liệu ngoài sách giáo khoa hiện hành nhưng phải đồng dạng với các kiểu văn bản đã học.

3. Lưu ý: nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản nghị luận xã hội hoặc văn bản thông tin thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết đoạn văn, nghị luận văn học yêu cầu viết bài văn. Nếu ngữ liệu đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì phần nghị luận xã hội yêu cầu viết bài văn, nghị luận văn học viết đoạn văn. Tổng độ dài của các ngữ liệu trong đề thi chính thức không quá 1300 chữ.

IV. Yêu cầu cụ thể

1. Phần Đọc hiểu (4,0 điểm)

- Số lượng câu hỏi: gồm 05 câu tự luận; trong đó có 03 câu mức độ thông hiểu (mỗi câu 0,5 điểm), 02 câu mức độ vận dụng (mỗi câu 1,25 điểm).

- Hình thức diễn đạt câu hỏi: rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, tránh hỏi trừu tượng, dễ gây hiểu nhầm hoặc trả lời không chính xác hoặc trả lời sai. Mỗi câu hỏi chỉ chứa 1 yêu cầu trả lời, nếu chứa 2 yêu cầu thì 2 yêu cầu đó phải logic, liên quan đến nhau.

- Mức độ của câu hỏi: phù hợp với yêu cầu của kì thi HSG lớp 12 cấp Tỉnh; đánh giá được năng lực của học sinh, đảm bảo yêu cầu đã được qui định trong Chương trình GDPT 2018.

- Yêu cầu về hình thức: trả lời dưới dạng các câu trả lời ngắn; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chính tả và ngữ pháp...

- Yêu cầu về nội dung: các câu hỏi khai thác các đặc trưng về nội dung, hình thức của thể loại văn bản; liên hệ đến thực tế đời sống hoặc những tác động của văn bản đến học sinh.

2. Phần Viết (6,0 điểm)

- Số lượng câu hỏi: 02 câu (nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Bao gồm các mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao).

- Hình thức diễn đạt câu hỏi: rõ ràng, chính xác, đảm bảo tính khoa học, đầy đủ thông tin yêu cầu; đảm bảo tính mở, có sự phân hóa rõ năng lực học sinh (nhận định, ý kiến, văn bản cần trích dẫn nguồn chính xác).

- Mức độ của câu hỏi: phù hợp với yêu cầu của kì thi HSG lớp 12 cấp Tỉnh; đánh giá được năng lực của học sinh, đảm bảo yêu cầu đã được qui định trong Chương trình GDPT 2018.

2.1. Dạng 1

* Phần Đọc hiểu: ngữ liệu là văn bản nghị luận, văn bản thông tin.

* Phần Viết:

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận xã hội

- Yêu cầu về hình thức: viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. Yêu cầu bài viết đủ bố cục (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); kết cấu chặt chẽ; có luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận...

- Yêu cầu về nội dung: viết được một đoạn văn bàn luận một phương diện/khía cạnh của các vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội, thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm....

Câu 2: Viết bài văn nghị luận văn học

- Yêu cầu về hình thức: bài văn nghị luận khoảng 600 chữ. Yêu cầu bài viết đủ bố cục (mở bài, thân bài, kết bài); kết cấu chặt chẽ; có hệ thống luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận; biết sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm trong bài làm...

- Yêu cầu về nội dung: viết được một bài văn nghị luận phân tích và đánh giá một văn bản, so sánh hai văn bản, phân tích làm rõ một đặc điểm của thể loại qua văn bản... Tùy vào nội dung tác phẩm và trích đoạn mà linh hoạt yêu cầu nội dung nghị luận (về nội dung và hình thức, về một vấn đề, một khía cạnh... của tác phẩm/đoạn trích). Trường hợp đề thi yêu cầu nghị luận về một đoạn trích thì cần có chú thích vài nét về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của tác phẩm, tóm lược phần trước và sau đoạn trích (in nghiêng và cỡ chữ nhỏ)/.

2.2. Dạng 2

* Phần Đọc hiểu: ngữ liệu là văn bản văn học.

* Phần Viết:

Câu 1: Viết đoạn nghị luận văn học

- Yêu cầu về hình thức: viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ. Yêu cầu bài viết đủ bố cục (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn); kết cấu chặt chẽ; có luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận...

- Yêu cầu về nội dung: viết được một đoạn văn nghị luận văn học về một đặc điểm/khía cạnh của thể loại, kiểu văn bản. Văn bản văn học này không nhất thiết là ngữ liệu đọc hiểu trong đề thi.

Câu 2: Viết bài nghị luận xã hội

- Yêu cầu về hình thức: bài văn nghị luận khoảng 600 chữ. Yêu cầu bài viết đủ bố cục (mở bài, thân bài, kết bài); kết cấu chặt chẽ; có hệ thống luận điểm rõ ràng; diễn đạt mạch lạc, đảm bảo chuẩn chính tả và ngữ pháp... Học sinh biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ luận điểm và vấn đề nghị luận; biết đặt ra các ý kiến phản bác để trao đổi, tranh luận lại; sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm trong bài làm...

- Yêu cầu về nội dung: viết được một bài văn nghị luận bàn luận một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội, viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm....

V. Một số lưu ý

1. Về phạm vi kiến thức, năng lực của đề thi

- Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung: đảm bảo yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình GDPT 2018.

- Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù:

+ Đảm bảo năng lực ngôn ngữ: vận dụng kiến thức tiếng Việt, kiến thức văn học và kiến thức về đời sống xã hội để giải quyết các yêu cầu cụ thể. Có những tìm tòi sáng tạo về ngôn ngữ, cách viết và tạo lập kiểu văn bản, kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt, kiểu lập luận; trình bày vấn đề sâu sắc, có sức thuyết phục qua cách diễn đạt linh hoạt, sáng tạo, có giọng điệu và cá tính phù hợp với lứa tuổi.

+ Đảm bảo năng lực văn học: phân tích và đánh giá được nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức của thể loại, kiểu văn bản. So sánh được các văn bản văn học. Biết liên hệ với thực tiễn; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục... để làm rõ vấn đề nghị luận.

2. Về hướng dẫn chấm

- Theo đặc thù bộ môn, định tính chứ không định lượng, HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau miễn là đạt được yêu cầu của đề.

- Yêu cầu cụ thể, rõ ràng nhưng không để xảy ra tình trạng đếm ý cho điểm mà vẫn phải giúp người chấm nhìn thấy sự tổng hòa chặt chẽ của nội dung và hình thức trình bày trong bài làm của HS để chấm đúng yêu cầu đặc thù bộ môn, chính xác và khách quan.

- Không áp đặt nội dung trả lời duy nhất; đề xuất được các phương án trả lời khác nhau (nếu có). Chấp nhận những ý kiến phản biện nhưng phải có cơ sở khoa học vững vàng, thuyết phục, không vi phạm những chuẩn mực đạo đức, văn hóa và pháp luật. Khi đánh giá cần hạn chế tính chủ quan, cảm tính của người chấm; tôn trọng và khuyến khích cách nghĩ, cách cảm riêng của học sinh./.

ĐỀ THI THAM KHẢO 1

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

(Đề thi gồm 07 câu, trong 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

CỎ DẠI CŨNG CÓ ĐỨC HIẾU SINH

... Vạn vật trên cõi đời này đều phải nỗ lực hết mức để tồn tại. Như những cây cỏ dại mọc ven đường - Đến cái tên cũng không được người đời nhớ tới - cũng đang nỗ lực để sống. Những cây cỏ dại ấy, tuy mọc lên giữa vết nứt trên đường nhựa, bị thiêu đốt bởi cái nóng ngày hè nhưng nó vẫn nỗ lực vượt qua chỗ chật chội, thoát khỏi nóng bỏng để nở hoa, kết hạt. Một nhánh cỏ dại cũng biết chịu đựng hoàn cảnh để tồn tại.

Thế giới tự nhiên xung quanh chúng ta tồn tại được cũng là nhờ sự nỗ lực của từng nhánh, từng nhánh cỏ dại mọc lên từ vết nứt trên đường nhựa vậy. Động vật, kể cả côn trùng cũng thế. Để sống còn, tất cả đều phải nỗ lực hết mình. Nỗ lực không phải là điều gì đặc biệt cả. Nỗ lực là lẽ đương nhiên để tồn tại.

Trong học tập, trong công việc nhiều khi nỗ lực rồi mà vẫn không thành công. Những lúc đó chúng ta thử tiếp tục cố gắng, cố gắng đến mức tối đa mà vẫn không thành thì sau đó có phải bỏ cuộc mới không ân hận.

Nhưng nếu đó là kết quả nỗ lực nửa vời thì thế nào cũng có lúc các bạn phải hối hận và thất vọng: “Biết vậy mình cố gắng thêm chút nữa thì đâu đến nỗi này”. Không có gì vô nghĩa bằng cuộc đời của những người suốt đời chỉ biết có “Lẽ ra...” hay “Biết thế...”

... Nỗ lực tối đa là điều kiện tiên quyết để chúng ta sống tồn tại được trên trái đất này. Bất kể kết quả là thế nào, miễn là các bạn hãy coi trọng từng giây, coi trọng từng phút, nỗ lực và nỗ lực không ngừng... và đó chính là sức mạnh của tự nhiên.

(Trích Ước mơ của bạn nhất định thành hiện thực, Inamori Kazuo, NXB Trẻ, 2019, tr.118-119)

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Nhan đề của văn bản có ý nghĩa gì?

Câu 2. Anh/ chị hiểu như thế nào về câu: *Thế giới tự nhiên xung quanh chúng ta tồn tại được cũng là nhờ sự nỗ lực của từng nhánh, từng nhánh cỏ dại mọc lên từ vết nứt trên đường nhựa vậy?*

Câu 3. Việc sử dụng phổ biến kiểu câu cầu khiến trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt về nội dung của văn bản với nội dung 4 câu thơ sau:

Những giọt sương lặn vào lá cỏ

Qua nắng gắt, qua bão tố

Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh

Vẫn long lanh, bình thản trước vàng dương

(Trích: *Sự bùng nổ của mùa xuân*, Thanh Thảo)

Câu 5. Quan điểm: *Các bạn hãy coi trọng từng giây, coi trọng từng phút, nỗ lực và nỗ lực không ngừng* có ý nghĩa gì trong cuộc sống hiện nay?

II. PHÂN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Trong Cuốn sách: *Good luck - Bí mật của may mắn* của tác giả Alechroviza và Fernando, bí mật đầu tiên của may mắn được nêu ra là: *May mắn do chính chúng ta tạo ra.*

Anh/ chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về cách tạo ra điều may mắn cho chính mình.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh cảm hứng về đất nước trong hai đoạn thơ sau:

...Tôi yêu đất nước này lắm than
Mẹ đốt củi trên rừng cha làm cá ngoài biển
Ăn rau rùi rau éo rau trai
Nuôi lớn người từ ngày mở đất
Bốn ngàn năm nằm gai nếm mật
Một tác lòng cũng trướng Âu Cơ
Một tiếng nói cũng đầy hồn Thánh Gióng

(...)

Tôi yêu đất nước này những buổi mai
Không ai cười không tiếng hát trẻ con
Đất đá cỏ cây ơi
Lòng vẫn thương mẹ nhớ cha
Ăn quán nằm cầu
Hai hàng nước mắt chảy ra
Mỗi đêm cầu trời khẩn phật, tai qua nạn khỏi
Tôi yêu đất nước này áo rách
Căn nhà dột phên không ngăn nổi gió
Vẫn yêu nhau trong từng hơi thở
Lòng vẫn thương cây nhớ cội hòai
Thắp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai
Tôi yêu đất nước này như thế
Như yêu cây cỏ trong vườn
Như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
Nuôi tôi thành người hôm nay.

(Trích: *Bài thơ của một người yêu nước mình*, 19/12/1967, Trần Vàng Sao)

Chú thích

1. Trần Vàng Sao tên thật là Nguyễn Đình, sinh năm 1941 mất năm 2018 ở Thừa Thiên Huế. Thơ của ông tự nhiên, chân thực. Trần Vàng Sao viết thơ không nhiều nhưng vẫn rất nổi tiếng với *Bài thơ của một người yêu nước mình*. Bài thơ được sáng tác tháng 12 năm 1967 khi ông đang ở trên chiến khu đầu nguồn sông Hương. Bài thơ được chọn vào tuyển tập 100 bài thơ xuất sắc nhất Việt Nam thế kỷ XX. Bài thơ gắn liền với tình thân gia đình, những rung động với từng cảnh vật, con người trên quê hương.

2. Lưu Quang Vũ (1948-1988) quê gốc ở Đà Nẵng, là tác giả thành công trên nhiều thể loại, nổi bật nhất là thơ và kịch. Thơ ông phóng khoáng, tài hoa, có sự chuyên biến rõ nét từ phong cách thơ mộng, trong trẻo thời kì đầu sang phong cách triết luận với nhiều day dứt về thế sự ở thời kì sau. *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi* là một bài thơ đặc sắc in trong tập thơ cùng tên của Lưu Quang Vũ. Tình yêu con người, tình yêu đất nước, tình yêu thiên nhiên hòa quyện trong bài thơ mang đến cho người đọc cảm giác nhẹ nhàng, ấm áp, tin yêu.

Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi
Gió rừng cao xào xạc lá đổ
Gió mù mịt những con đường bụi đỏ
Những dòng sông ào ạt cánh buồm căng
Chớm heo may trên những ngọn cau vàng
Nồm nam thổi, khắp đồng bông gạo trắng
Người xa cách vẫn chung trời gió lộng
Thương vết bùn trên áo khô se.

(...)

Dẫu đêm nay ngọn gió mùa hè
Còn bề bộn một vùng gạch ngói
Lịch sử quay những vòng xoáy gian nan
Đất nước tôi như một con thuyền
Lướt trên sóng những ngực buồm trắng xóa.

Ước chi được hóa thành ngọn gió
Để được ôm trọn vẹn nước non này
Để thổi ấm những đỉnh đèo buốt giá
Để mát rượi những mái nhà nắng lửa
Để luôn luôn được trở lại với đời...

Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi...

(Trích: *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, Lưu Quang Vũ, *Tình hoa thơ Việt*, NXB Hội nhà văn, 2007)

(Đề thi gồm 07 câu, trong 02 trang)

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ:

“Cỏ dại quen nắng mưa
Làm sao mà giết được
Tới mùa nước dâng
Cỏ thường ngập trước
Sau ngày nước rút
Cỏ mọc đầu tiên”

Câu thơ nào trong ý nghĩ vụt lên
Khi tôi bước giữa một vùng cỏ dại
Không nhà cửa, không bóng cây. Tìm lối
Cứ đường hào rẽ cỏ mà đi.

Người dân quân tì súng lắng nghe
Bài hát nói về khu vườn đầy trái
Anh bỗng nghĩ đến một vùng cỏ dại
Nỗi nhớ đầu anh nhớ quê anh

Mảnh đạn bom và chất lân tinh
Đã phá sạch không còn chi nữa
Chỉ có sắt, chỉ còn có lửa
Và cuối cùng còn có đất mà thôi

CỎ DẠI

Thù trong lòng và cây súng trên vai
Cùng đồng đội anh trở về làng cũ
Anh nhận thấy trước tiên là cỏ
Sự sống đầu anh gặp ở quê hương

Có một lần anh tìm đến bà con
Khi xúm xít quanh anh thăm hỏi
Giữa câu chuyện có điều này đau nhói:
- Đất quê mình cỏ đã mọc lên chưa?

Trong cuộc đời bình yên tựa nghìn xưa
Gần gũi nhất vẫn là cây lúa
Trưa nắng khát ước về vườn quả
Lúc xa nhà nhớ một dáng mây
Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây
Một làn khói, một mùi hương trong gió...

Có mấy ai nhớ về ngọn cỏ
Mọc vô tình trên lối ta đi
Dấu nhỏ nhoi không đáng nhớ làm chi
Không nghĩ đến nhưng mà vẫn có.

Vĩnh Linh, 1969

(Xuân Quỳnh thơ và đời, NXB Văn hóa, 1998, tr.24-25)

Thực hiện các yêu cầu/trả lời câu hỏi:

Câu 1: Thể thơ được sử dụng trong văn bản trên có đặc điểm gì?

Câu 2: Chỉ ra mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong những câu thơ:

Lúc xa nhà nhớ một dáng mây
Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây
Một làn khói, một mùi hương trong gió...

Câu 4: Những câu thơ sau gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Mảnh đạn bom và chất lân tinh
Đã phá sạch không còn chi nữa
Chỉ có sắt, chỉ còn có lửa
Và cuối cùng còn có đất mà thôi

Câu 5: Theo nhà thơ “*Dẫu nhỏ nhoi không đáng nhớ làm chi/ Không nghĩ đến nhưng mà vẫn có*”. Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của Xuân Quỳnh không? Vì sao?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về hình tượng cỏ dại trong bài thơ *Cỏ dại* của Xuân Quỳnh.

Câu 2: (4,0 điểm)

Phải, tất cả chúng ta đều tỏa sáng, như mặt trăng, như những vì sao, và như mặt trời.

Đó là lời trong một bài hát nổi tiếng của John Lennon, thành viên của ban nhạc huyền thoại The Beatle. Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về thông điệp *Sống là để tỏa sáng*.

-----HẾT-----